

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI**



**MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGÀNH KẾ TOÁN**

*(Ban hành theo Quyết định số 202a/QĐ-ĐHĐN ngày 06 .tháng 03 năm 2018  
của hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

❖ Mã ngành đào tạo: **7340301**

❖ Đơn vị thực hiện:

**Tổ bộ môn Kế toán - Khoa Kinh tế**

*Đồng Nai, 2018*

## MỤC LỤC

<b>1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....</b>	<b>2</b>
1.1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Kế toán.....	2
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo.....	2
<b>2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO .....</b>	<b>2</b>
2.1. Sứ mạng - Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục của trường Đại học Đồng Nai2	
2.2. Mục tiêu Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán. ....	3
<b>3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>4</b>
<b>(Theo quy định tại Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).....</b>	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
3.1. Kiến thức:.....	4
3.2. Kỹ năng:.....	5
3.3. Về thái độ:.....	6
<b>4. CƠ HỘI VIỆC LÀM VÀ HỌC TẬP SAU KHI TỐT NGHIỆP .....</b>	<b>7</b>
4.1. Vị trí việc làm .....	7
4.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường .....	7
<b>5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP .....</b>	<b>7</b>
5.1. Thông tin tuyển sinh .....	7
5.2. Quy trình đào tạo .....	7
5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp .....	7
<b>6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP.....</b>	<b>8</b>
6.1. Phương pháp bài giảng .....	8
6.2. Phương pháp thảo luận .....	8
6.3. Phương pháp nghiên cứu tình huống .....	9
6.4. Phương pháp giao bài tập: Bài tập cá nhân, bài tập nhóm.....	9
6.5. Phương pháp Kiến tập, thực tập thực tế.....	10
<b>7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ .....</b>	<b>11</b>
<b>8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH .....</b>	<b>13</b>
8.1. Cấu trúc chương trình .....	13
8.2. Nội dung chương trình.....	13
8.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến .....	40

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1.1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Kế toán

Ngành học kế toán đào tạo cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị và đạo đức, có sức khỏe, có ý thức phục vụ xã hội, có tinh thần say mê nghề nghiệp, nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội và những kỹ năng chuyên môn sâu về kế toán, kiểm toán và phân tích hoạt động kinh doanh. Sinh viên hoàn thành chương trình học có khả năng hoạch định chính sách kế toán, kiểm toán cho doanh nghiệp. Sinh viên sau khi tốt nghiệp làm việc ở các doanh nghiệp và các bộ phận chức năng kế toán kiểm toán tại các Bộ, ngành và các cơ quan nhà nước khác.

### 1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

**Bảng 1:** Thông tin chung về chương trình đào tạo

1	Tên Chương trình (tiếng Việt)	Cử nhân ngành Kế toán
2	Tên Chương trình (tiếng Anh)	Bachelor of Accountancy
3	Mã ngành đào tạo:	7340301
4	Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Đồng Nai
5	Tên gọi văn bằng	Cử nhân Kế toán
6	Trình độ đào tạo:	Đại học
7	Hình thức đào tạo:	Chính quy tập trung
8	Thời gian đào tạo:	4 năm
9	Số tín chỉ tối thiểu	132
10	Ngôn ngữ	Tiếng Việt
11	Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp THPT
12	Thang điểm đánh giá	10
13	Khoa quản lý	Khoa Kinh tế

## 2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

### 2.1. Sứ mạng - Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục của trường Đại học Đồng Nai

#### \* Sứ mạng

Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chất lượng cao; nghiên cứu, triển khai và chuyên gia KHCN phục vụ cho công cuộc công nghiệp hoá- hiện đại hoá, sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai, khu vực Đông Nam Bộ và cả nước.

### **\* Tâm nhìn**

Đến năm 2020, xây dựng trường trở thành một cơ sở đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ có chất lượng, uy tín hàng đầu của tỉnh Đồng Nai và khu vực phụ cận; là nơi tập trung các chuyên gia, cán bộ, giảng viên trình độ cao; có các chương trình đào tạo hợp tác và liên kết quốc tế sâu rộng; có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, phục vụ tốt cho nhiệm vụ chính trị của trường.

### **\* Giá trị cốt lõi**

1. *Chất lượng – hiệu quả*
2. *Đổi mới - Sáng tạo*
3. *Kế thừa – phát triển*
4. *Hợp tác – Hội nhập*
5. *Trách nhiệm – Cống hiến*

### **\* Triết lý giáo dục**

Kỷ cương – Tình thương – Trách nhiệm

## **2.2. Mục tiêu chiến lược của Khoa Kinh tế**

Phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ và năng lực đáp ứng nhiệm vụ nghiên cứu và giảng dạy trong giai đoạn mới, tăng cường hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước nhằm tạo điều kiện và cơ hội học tập tốt nhất cho người học.

Nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân của người học nhằm đáp ứng thị trường lao động trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Phát triển năng lực chuyên môn của người học đáp ứng qui định khung trình độ quốc gia Việt Nam và các chuẩn quốc tế.

## **2.3. Mục tiêu Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán**

### **2.3.1. Mục tiêu chung:**

Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Kế toán đào tạo cử nhân kế toán có kiến thức tổng quan về kinh tế và kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, thuế và phân tích tài chính; có năng lực chuyên môn vững chắc và năng lực nghề nghiệp đa dạng; thích ứng với môi trường làm việc đa văn hoá; đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của thị trường lao động và những thách thức của cách mạng công nghiệp và toàn cầu hoá.

### **2.3.2. Mục tiêu cụ thể:**

- Về kiến thức:

+ PO1: Có kiến thức cơ bản về tư tưởng, chính trị, pháp luật để thực hiện tốt trách nhiệm công dân đối với đất nước và xã hội;

+ PO2: Có kiến thức nền tảng, kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, thuế, phân tích tài chính

+ PO3: Phân tích và đánh giá thông tin kế toán hiệu quả để hỗ trợ cho việc ra quyết định quản trị....

- *Về kỹ năng:*

+ PO4: Thực hành các nghiệp vụ kế toán tài chính, kiểm toán, thuế, kế toán quản trị, phân tích báo cáo tài chính; lập được báo cáo thuế, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị

+ PO5: Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán, thành thạo công nghệ thông tin và sử dụng thành thạo ngoại ngữ

+ PO6: Kỹ năng giao tiếp linh hoạt, trình bày và giải quyết các vấn đề phát sinh. Có khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm hiệu quả

- *Về thái độ:*

+ PO7: Rèn luyện người học yêu nghề, có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp để thực hiện tốt các nhiệm vụ của nghề kế toán

Trình độ ngoại ngữ và tin học: Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Trường Đại Học Đồng Nai.

### **3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### ***3.1. Kiến thức:***

##### **a. Kiến thức chung**

- PLO1: Nắm vững những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ đó vận dụng sáng tạo những nguyên lý, những nội dung, tư tưởng trong hoạt động nhận thức, thực tiễn và khoa học chuyên ngành.

- PLO2: Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức chuyên ngành và khả năng học tập nâng cao trình độ.

##### **b. Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành**

- PLO3: Có các kiến thức về pháp luật, luật kế toán, luật doanh nghiệp, các chuẩn mực kế toán của Việt Nam và quốc tế; vận dụng được kiến thức về pháp luật, kinh tế - xã hội, tài chính - tiền tệ, kế toán, kiểm toán trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán được giao.

- PLO4: Vận dụng được hệ thống chứng từ, tài khoản, phương pháp và hình thức kế toán vào tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp. Xác định được cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp.

- PLO5: Phân tích, đánh giá được các vấn đề chuyên sâu về lĩnh vực kế toán tài chính, kiểm toán của các doanh nghiệp; lập và phân tích các báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị; phân tích, đánh giá được quy trình kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập; tham gia phân tích và dự báo tài chính của doanh nghiệp;

- PLO6: Hiểu biết sâu về hệ thống ngân sách nhà nước, chính sách tài chính quốc gia, cơ chế tài chính của bộ máy nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài công lập và các chính sách thuế, thực hành thuế... Cập nhật được các chính sách phát triển kinh tế và các chế độ về tài chính, kế toán, thuế vào công tác kế toán tại doanh nghiệp.

### **3.2. Kỹ năng:**

#### **a. Kỹ năng cứng**

- PLO7: Lập được chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán. Sử dụng được chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết;

- PLO8: Tổ chức được công tác tài chính, kế toán phù hợp với từng doanh nghiệp; phân tích, kiểm tra, đánh giá được công tác tài chính, kế toán của doanh nghiệp;

- PLO9: Lập được dự toán, báo cáo kế toán tài chính, báo cáo kế toán quản trị và báo cáo thuế của doanh nghiệp;

- PLO10: Sử dụng thành thạo 1 đến 2 phần mềm kế toán doanh nghiệp thông dụng;

- PLO11: Cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo, quản lý kinh tế ở đơn vị và các đối tượng liên quan; Tham mưu được cho lãnh đạo doanh nghiệp những ý kiến cải tiến làm cho công tác kế toán và công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp hiệu quả và đúng pháp luật.

#### **b. Kỹ năng mềm**

- PLO12: Kỹ năng giao tiếp (kỹ năng trình bày thuyết trình, đàm phán trong kinh doanh, kỹ năng giao dịch qua điện thoại, email..., kỹ năng giải quyết các vấn đề, Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm đạt hiệu quả.

- PLO13: Kỹ thuật soạn thảo văn bản, có khả năng sử dụng tiếng Anh trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo (với trình độ tương đương B trở lên); sử dụng thành thạo tin học văn phòng; ứng dụng kiến thức về cơ sở dữ liệu vào nghiệp vụ kế toán, kỹ năng làm việc trên các phần mềm kế toán

- PLO14: Có khả năng tự học nâng cao kiến thức phục vụ công tác; có phương pháp làm việc và tư duy khoa học, biết cách giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn nghề nghiệp.

### 3.3. Về thái độ:

- PLO15: Chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tuân thủ các quy định của luật kế toán, tài chính, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao, quan tâm đến

- PLO 16: Ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có tinh thần trách nhiệm, cầu tiến, trung thực, cần kiệm, liêm chính chí công vô tư trong công tác được giao; có tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận và chính xác. Có đạo đức nghề nghiệp, đạo đức kinh doanh, yêu nghề.

#### *Quan hệ giữa mục tiêu (PO) với chuẩn đầu ra (PLOs) của CTĐT*

Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)	Mục tiêu của CTĐT (POs)						
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
1	x					x	x
2	x					x	x
3	x	x			x	x	x
4		x	x	x	x	x	x
5		x	x	x	x	x	x
6	x	x	x	x	x	x	x
7		x		x	x	x	x
8		x	x	x	x	x	x
9		x	x	x	x	x	x
10	x	x	x	x	x	x	x
11		x	x	x		x	
12	x	x	x	x	x	x	x
13	x	x	x	x	x	x	
14	x	x	x	x	x	x	x
15	x	x	x	x	x	x	x
16	x	x	x	x	x	x	x

## **4. CƠ HỘI VIỆC LÀM VÀ HỌC TẬP SAU KHI TỐT NGHIỆP**

### **4.1. Vị trí việc làm**

- Cán bộ kế toán cấp trung, cấp cao tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, kiểm toán viên của các tổ chức kiểm toán, kế toán trong các đơn vị hành chính, sự nghiệp và các tổ chức chính trị xã hội....

- Hành nghề tư vấn kinh doanh, dịch vụ và làm dịch vụ kế toán, thuế (khi đủ điều kiện qui định) cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

### **4.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường**

- Sinh viên sau tốt nghiệp có khả năng học tập lên Sau đại học có cùng ngành, khối ngành đào tạo và những bậc học cao hơn của các ngành đào tạo khác.

- Khả năng học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động để phát triển thành các nhà quản lý ở các cấp khác nhau.

## **5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

### **5.1. Thông tin tuyển sinh**

Tuyển sinh cả nước theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy. Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và tương đương, có đủ sức khỏe để học tập và làm đầy đủ các thủ tục dự thi theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **5.2. Quy trình đào tạo**

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 1 học kỳ thực tập tốt nghiệp. Cuối khóa, sinh viên viết báo cáo thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận hoặc học các học phần thay thế. Sinh viên đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp**

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của nhà trường về chuẩn đầu ra.



## 6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chương trình đào tạo ngành Kế toán sử dụng chiến lược giảng dạy và học tập sau:

### 6.1. Phương pháp bài giảng

Phương pháp bài giảng là một phương pháp giảng dạy thường thấy nhất trong các trường đại học hiện nay. Nó dựa trên mô hình dạy học truyền thụ, nói một cách ngắn gọn: tri thức là một đối tượng có thể được chuyển từ người dạy sang người học. Với tất cả sự tiến bộ của hệ thống đào tạo và công nghệ máy tính, phương pháp bài giảng vẫn là một phương pháp chính được sử dụng rộng rãi trong giảng dạy và đào tạo ở các cấp học cao hơn. Phương pháp này hiệu quả và tiết kiệm, có thể giảng dạy cho một số lượng lớn học sinh, tài liệu có thể được biên soạn một cách có cấu trúc và giáo viên có thể kiểm soát tốt về thời gian và số lượng kiến thức truyền đạt.

Có rất nhiều các nghiên cứu đã cung cấp bằng chứng cho thấy người học có thể chú trọng nhiều hơn vào tài liệu bài giảng hơn là sách giáo khoa. Giảng bài không chỉ đơn giản là việc đứng trước lớp và đọc thuộc lòng những gì giảng viên biết. Bài giảng trên lớp là một hình thức giao tiếp đặc biệt trong đó giọng nói, cử chỉ, chuyển động, nét mặt và giao tiếp bằng mắt có thể bổ sung, giải thích hoặc làm giảm nội dung.

#### *Áp dụng chiến lược dạy học này trong chương trình đào tạo ngành Kế toán:*

Giảng viên thực hiện trình bày, giải thích các nội dung trong bài học một cách trực tiếp, logic, chứa đựng kinh nghiệm về các nội dung có liên quan, đồng thời cũng truyền cảm hứng, kích thích tư duy để thảo luận cởi mở về bài học giúp người học hiểu và đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng.

Đối với người học cần có sự nghiên cứu trước tài liệu và trong quá trình học cần nghe giảng để tiếp nhận, tích lũy và thỉnh thoảng ghi chú để lưu giữ kiến thức.

### 6.2. Phương pháp thảo luận

Thảo luận là một cuộc trao đổi ý kiến bằng lời nói giữa các thành viên trong nhóm hoặc giữa người dạy và người học. Để thảo luận hiệu quả, sinh viên nên có kiến thức và thông tin trước về chủ đề sẽ thảo luận. Tham gia thảo luận cho phép các thành viên tổng hợp các ý tưởng và kinh nghiệm từ nhóm, tham gia quá trình tích cực, việc học đạt hiệu quả hơn, nhớ lâu hơn, tránh học vẹt, mỗi người học đều đưa ra ý kiến của mình và phương pháp này kết hợp với phương pháp nào cũng sẽ phát triển được tính sáng tạo của người học.

### ***Áp dụng chiến lược dạy học này trong chương trình đào tạo ngành Kế toán:***

Giảng viên đưa ra các câu hỏi gợi mở hoặc những chủ đề để người học tham gia thảo luận. Người học có thể tham gia chia sẻ, bổ sung ý kiến, thống nhất quan điểm trong một nhóm lớn hoặc chia thành từng nhóm nhỏ, giảng viên sẽ là người cung cấp những thông tin cơ bản về chủ đề, thực hiện điều phối và có những câu hỏi dẫn dắt vấn đề, trong quá trình thảo luận giảng viên sẽ tạo ra môi trường thư giãn để thúc đẩy quá trình thảo luận, khuyến khích các thành viên, các nhóm sử dụng phương pháp não công để kích thích đưa ra thật nhiều những ý kiến cho vấn đề, các ý kiến đưa ra đều sẽ được tôn trọng, lắng nghe và sau đó được người học tự đánh giá. Sau khi kết thúc cuộc thảo luận giảng viên sẽ thực hiện tổng kết lại kết quả của cuộc thảo luận rút ra kết luận cho vấn đề.

### **6.3. Phương pháp nghiên cứu tình huống**

Phương pháp nghiên cứu tình huống được phát triển chủ yếu trong bối cảnh kinh doanh và pháp luật, các sinh viên được trình bày với một bộ hồ sơ các tình huống dựa trên sự kiện thực tế hoặc một tình huống tưởng tượng và họ được yêu cầu: chỉ để chẩn đoán (các) vấn đề cụ thể; để chẩn đoán (các) vấn đề và cung cấp (các) giải pháp; hoặc đưa ra lý do, ý nghĩa của hành động sau khi cung cấp cả vấn đề cũng như các giải pháp.

### ***Áp dụng chiến lược dạy học này trong chương trình đào tạo ngành Kế toán:***

Giảng viên sẽ đưa ra các tình huống ngắn gọn, súc tích, phản ánh các vấn đề thực tế và mở ra một số phản hồi trái ngược nhau. Người học sẽ được khuyến khích làm việc theo nhóm tìm cách xử lý tình huống qua đó từng bước hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng nghiên cứu. Khi kết thúc tình huống các nhóm sẽ chuẩn bị một bản báo cáo bằng văn bản hoặc một bản trình bày chính thức về cách thức xử lý vụ việc, giảng viên và những người học khác sẽ cùng đánh giá, phản hồi và có những góp ý để hoàn thiện những cách thức xử lý đó. Phương pháp nghiên cứu tình huống sẽ giúp người học hình thành thêm những kỹ năng giải quyết vấn đề hỗ trợ cho nghề nghiệp của họ sau này.

### **6.4. Phương pháp giao bài tập: Bài tập cá nhân, bài tập nhóm**

Phương pháp giao bài tập là việc giảng viên giao các nhiệm vụ cho người học hoàn thành sau khi được tiếp nhận kiến thức trong bài giảng. Các bài tập, nhiệm vụ giúp người học tổ chức kiến thức, tiếp thu các dữ kiện và chuẩn bị tốt hơn cho các kỳ

thi, cho các kỹ năng làm việc. Nó nhấn mạnh vào công việc của từng người học và phương pháp giúp ích cho cả quá trình dạy và học (Kochhar, 2000, tr.358).

***Áp dụng chiến lược dạy học này trong chương trình đào tạo ngành Kế toán:***

***Bài tập cá nhân:*** Giảng viên giao bài tập cho người học thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ làm việc ở nhà, qua đó hình thành năng lực và phương pháp tự học, tiếp nhận kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu môn học.

***Bài tập nhóm:*** Giảng viên giao bài tập cho nhóm người học thực hiện và hoàn thành, các thành viên trong nhóm cùng làm việc với nhau để hoàn thành nhiệm vụ và kết quả của hoạt động nhóm có thể được trình bày thông qua một bài báo cáo hoặc bài thuyết trình có sự theo dõi, đánh giá, góp ý, bổ sung của các nhóm khác và giảng viên.

### **6.5. Phương pháp Kiến tập, thực tập thực tế**

“**Kiến tập**” là quá trình người học được tiếp cận những kiến thức đã học trong thực tế. Cụ thể, người học sẽ được tận mắt quan sát những nội dung trước đây chỉ là lý thuyết, tập làm quen và theo dõi cách xử lý những vấn đề đó trong những môi trường, tình huống cụ thể. Bên cạnh đó, khi trải qua quá trình kiến tập, rất nhiều kỹ năng mềm của người học sẽ được trau dồi và nâng cao hiệu quả.

“**Thực tập**” là hoạt động áp dụng lý thuyết, các kiến thức đã học vào thực tiễn và hoạt động rèn luyện kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ tại cơ sở thực tế, qua đó củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng, thái độ của sinh viên trước khi tốt nghiệp.

“**Thực tập thực tế**” là hoạt động có thể quan sát, kiến tập, thực hành hoặc làm việc thông qua việc tìm hiểu bằng các giác quan tổng thể để nâng cao khả năng áp dụng các kiến thức đã được học vào thực tiễn.

***Áp dụng chiến lược dạy học này trong chương trình đào tạo ngành Kế toán:***

***Kiến tập thực tế:*** Nhà trường cùng Khoa tổ chức các buổi kiến tập, tham quan thực tế tại các doanh nghiệp, xưởng sản xuất hoặc kiến tập tại phòng kế toán ảo mà giảng viên thiết lập... giúp người học tìm hiểu môi trường làm việc, các công nghệ đang áp dụng trong các lĩnh vực, ngành nghề đã được đào tạo, góp phần hình thành kỹ năng nghề, văn hóa làm việc và tạo cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp. Sinh viên viết bài thu hoạch hoặc tiểu luận cuối đợt kiến tập.

***Thực tập tốt nghiệp:*** Sau khi hoàn thành một số môn học và tích lũy số tín chỉ theo yêu cầu, người học sẽ có một khoảng thời gian đi thực tập thực tế (cụ thể là 8 tuần) tại các doanh nghiệp để sinh viên có thể củng cố lại kiến thức, kỹ năng và tập

làm quen với môi trường làm việc thực tế. Trong quá trình thực tập người học sẽ tham gia trực tiếp vào quá trình hoạt động của công ty nơi thực tập vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn đưa ra, tích lũy kinh nghiệm làm việc sau này. Đồng thời, qua hoạt động này cũng đem lại cho người học cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp: thực tập tốt và được nhận vào làm chính thức.

## 7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Học tập chủ động, lấy người học làm trung tâm, kết hợp lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động dạy và học đa dạng như thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tình huống... nhằm tăng cường khả năng tự học của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn, phát triển kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp, phương châm học tập suốt đời.

*Hình thức đánh giá:* kết hợp gồm loại hình đánh giá như: Chuyên cần; Kiểm tra thường xuyên; Tích cực hoạt động: thảo luận, làm bài tập,...Tiểu luận, thuyết trình; Thi với hình thức trắc nghiệm và tự luận.

*Thang điểm đánh giá:* Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

Loại điểm	Điểm hệ 10	Điểm hệ chữ	Điểm hệ 4
Đạt	9,0 - 10	A+	4,0
	8,5 - 8,9	A	3,5
	8,0 - 8,4	B+	3,1
	7,0 - 7,9	B	2,8
	6,5 - 6,9	C+	2,4
	5,5 - 6,4	C	2,0
	5,0 - 5,4	D+	1,5
	4,0 - 4,9	D	1,0
Không đạt	< 4	F	0

**\* Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

- *Đánh giá các học phần lý thuyết:*

Điểm chuyên cần 10%, Kiểm tra thường xuyên 10%, kiểm tra giữa học phần 10%, điểm thi hết học phần 70%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định như sau:

a. Đối với những học phần không làm tiểu luận Điểm học phần được tính:

$$\text{Đ.TKHP} = 60\% \text{ Đ.KTHP} + 20\% \text{ Đ.GK} + 20\% \text{ Đ.TBKTTX}$$

+Đ.TKHP: Điểm tổng kết học phần

+Đ.KTHP: Điểm thi kết thúc học phần (phải  $\geq 4$  mới tính các điểm khác)

+Đ.GK: Điểm thi giữa kỳ

+Đ.TBKTTX: Điểm trung bình kiểm tra thường xuyên (bao gồm seminar, thảo luận nhỏ, kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút)

b. Đối với những học phần có làm tiểu luận áp dụng hình thức đánh giá như sau:

$$\text{+Đ.TKHP} = 50\% \text{ Đ.KTHP} + 20\% \text{ Đ.GK} + 30\% \text{ Đ.TL}$$

+Đ.TKHP: Điểm tổng kết học phần

+Đ.KTHP: Điểm thi kết thúc học phần (phải  $\geq 4$  mới tính các điểm thành phần, nếu nhỏ hơn 4 thì điểm tổng kết học phần là điểm F)

+Đ.GK: Điểm thi giữa kỳ

+Đ.TL: Điểm tiểu luận

- *Đánh giá các học phần có lý thuyết và thực hành:*

a. Đối với học phần không có tiểu luận:

+Điểm lý thuyết (ký hiệu là ĐLT): là kết quả các điểm thành phần bao gồm điểm điểm giữa kỳ, điểm kết thúc học phần nhân với trọng số của các điểm thành phần.

+Điểm thực hành (ký hiệu là ĐTH): là trung bình cộng của các bài tập cộng với điểm thi kết thúc thực hành (nếu có) là điểm thường xuyên.

+Điểm thực hành và điểm lý thuyết phải đạt yêu cầu thì mới được tính điểm tổng kết học phần.

b. Đối với học phần có tiểu luận:

+Điểm lý thuyết: bao gồm điểm tiểu luận.

+Điểm thực hành là trung bình cộng của các bài tập là điểm thường xuyên hay điểm giữa kỳ

-+ĐKTHP của loại học phần này.

- *Đối với học phần chỉ có thực hành:* Điểm kết thúc học phần là điểm trung bình cộng của các bài tập điểm thi kết thúc thực hành (nếu có).

- *Đánh giá học phần thực tập tốt nghiệp (TTTN)*

Chấm điểm TTTN của sinh viên theo các nội dung và thang điểm phiếu chấm.

### \* Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Kế toán được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

## 8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

### 8.1. Cấu trúc chương trình

Khối lượng kiến thức toàn khóa: **132 tín chỉ (TC)**

*(Không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)*

- Khối kiến thức chung: **31TC**

- Khối kiến thức cơ sở ngành : **43TC**

- Khối kiến thức chuyên ngành: **53TC**

- Thực tập tốt nghiệp: **8TC**

- Khoá luận hoặc các học phần thay thế: **5TC**

### 8.2. Nội dung chương trình

STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
<b>I.</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC CHUNG</b>		<b>31</b>	<b>465</b>				
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Nhằm giúp cho sinh viên: Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin; Xác lập cơ sở lý	2	30	30		60	Bắt buộc

STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
		luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng.						
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Giúp cho sinh viên: Hiểu biết về các phương thức sản xuất, hình thái kinh tế xã hội, từ đó làm nền tảng cho Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng.	3	45	45		90	Bắt buộc
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, Hồ Chí Minh.	2	30	30		60	Bắt buộc

STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.	Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng	3	45	45		90	Bắt buộc
5	Tin học đại cương	Nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và thực hành tin học văn phòng như làm việc với máy tính trên hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản, thao tác trên bảng	2	30	25	50		Bắt buộc



STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
		tính điện tử, tạo trình chiếu cũng như kiến thức về internet. Giúp sinh viên sử dụng môi trường làm việc năng động sau này						
6	Tiếng anh 1	Nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh. Sinh viên ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình	2	30	30	15	90	Bắt buộc
7	Tiếng anh 2	Nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh. Sinh viên ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình trên	2	30	30	15	90	Bắt buộc

STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
		nền tảng kiến thức của môn Tiếng Anh 1						
8	Tiếng anh 3	Nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh. Sinh viên ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình trên nền tảng kiến thức của môn Tiếng Anh 2	3	45	45	15	90	Bắt buộc
9	Toán kinh tế 1	Cung cấp những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích cổ điển. Học xong học phần, sinh viên có một cách nhìn hệ thống về ma trận, hệ phương trình tuyến tính; Phép tính vi phân và tích phân; Phương pháp để	3	45	45		90	Bắt buộc

STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
		giải phương trình vi phân.						
10	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Trang bị những kiến thức cơ bản để sinh viên tính được xác suất của một số bài toán thực tế, ứng dụng thống kê vào các bài toán thực tiễn, biết giải các bài toán kiểm định giả thiết.	3	45	45		90	Bắt buộc
11	Pháp luật đại cương	Giải thích được các khái niệm, các thuật ngữ pháp lý cơ bản được đưa vào trong Chương trình, các vấn đề mới về hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Trình bày được những nội dung cơ bản trong các bài học, biết liên hệ thực tiễn và	2	30	30		60	Bắt buộc

STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
		ứng dụng kiến thức đã học vào trong học tập, công tác và trong đời sống;						
12	Văn bản và kỹ thuật soạn thảo văn bản	Phân biệt được các loại văn bản: văn bản pháp qui, văn bản hành chính, văn bản hợp đồng. Xác định được hình thức, nội dung và quy trình soạn thảo văn bản	2	30	30		60	Bắt buộc
13	Tâm lý học đại cương	Cung cấp những kiến thức về bản chất hiện tượng tâm lý người theo quan điểm khoa học. Hiểu rõ cơ sở hình thành các hiện tượng tâm lý người. Nắm được các hiện tượng tâm lý của con người; các phẩm chất và các thuộc tính tâm lý trong cấu trúc nhân cách.	2	30	30		60	Bắt buộc

STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
14	Giáo dục thể chất	Giáo dục cho sinh viên những hiểu biết và những kỹ năng cần thiết về thể dục thể thao, trên cơ sở phát triển thể lực toàn diện và củng cố sức khoẻ						Bắt buộc
15	Giáo dục quốc phòng	Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân nhân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới						Bắt buộc

STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
<b>II.</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH</b>		<b>43</b>	<b>660</b>				
16	Kinh tế vi mô	Giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các qui luật kinh tế cơ bản như qui luật cung cầu, qui luật cạnh tranh.	3	45	45		90	Bắt buộc
17	Kinh tế vĩ mô	Giới thiệu cho người học các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế, từ những khái niệm về tổng cung, tổng cầu, lạm phát, thất nghiệp, những yếu tố tác động đến nền kinh tế của một quốc gia và từ đó hiểu rõ các chính sách điều tiết nền kinh tế của Nhà nước	3	45	45		90	Bắt buộc

STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
18	Quản trị học	Giới thiệu các chức năng chính về quản trị như hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm soát; một số vấn đề như quản lý thay đổi, quản lý xung đột và nguy cơ; các biện pháp cứu nguy trong quản trị	3	45	45		90	Bắt buộc
19	Toán kinh tế 2	Giới thiệu các kiến thức cơ bản về bản chất và nguyên lý tính toán trong các nghiệp vụ tài chính, vận dụng các kiến thức đó để xây dựng các bài toán tài chính trong những hoàn cảnh riêng với môi trường và các điều kiện khác nhau. người học biết giải các dạng bài toán QHTT bằng phương pháp đơn	3	45	45		60	Bắt buộc

STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
		hình hoặc đơn hình mở rộng, nắm bắt khái niệm về bài toán đối ngẫu						
20	Marketing căn bản	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Marketing, sự vận dụng chúng vào thực tiễn kinh doanh của doanh nghiệp như: hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, môi trường Marketing và thị trường các doanh nghiệp; nhận định nhu cầu khách hàng; phương pháp luận nghiên cứu marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường	3	45	45		90	Bắt buộc
21	Nguyên lý kế toán kinh tế	Sinh viên biết thu thập, tổng hợp và phân tích số liệu cũng như dự	3	45	45		90	Bắt buộc



STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
		đoán được xu hướng phát triển của hiện tượng trong tương lai						
22	Nguyên lý kế toán	Cung cấp cho sinh viên các ngành kinh tế như kế toán, Tài chính Ngân hàng, quản trị kinh doanh những khái niệm, vấn đề cơ bản về kế toán, trang bị nền tảng kiến thức kế toán để học tập nghiên cứu những môn kế toán nâng cao về sau	3	45	45		90	Bắt buộc
23	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản, tổng quan về tài chính-Tiền tệ và những nội dung chủ yếu của các hoạt động tài chính - Tiền tệ trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế.	3	45	45		90	Bắt buộc

STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
24	Luật Kinh tế	Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật thực định về hầu hết những vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh, như về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh	2	30	30		60	Bắt buộc
25	Thuế	Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững những kiến thức cơ bản về thuế và kỹ năng tính toán số tiền thuế phải nộp ngân sách của từng sắc thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp theo chế độ hiện hành	3	45	30		90	Bắt buộc

STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
26	Tiếng anh chuyên ngành kinh tế	Học phần này nhằm giúp sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh để giao tiếp, làm việc trong nhiều tình huống khác nhau liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành.	3	45	45		90	Bắt buộc
27	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Môn học Phương pháp nghiên cứu giúp người học hiểu rõ, phân tích và đánh giá những vấn đề cần nghiên cứu một cách khoa học.	2	30	30		60	Bắt buộc
28	Thanh toán quốc tế	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vấn đề thanh toán trong lĩnh vực ngoại thương, và các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ trên thị trường hối đoái	2	30	30		60	Bắt buộc

STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
29	Tài chính doanh nghiệp	Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên phải nắm được cơ sở lý thuyết về Tài chính doanh nghiệp, các lý thuyết về cấu trúc nguồn vốn và mô hình định giá tài sản vốn; biết phân tích và ra quyết định đầu tư quyết định tài trợ và quyết định phân phối thu nhập của doanh nghiệp	4	60	60		90	Bắt buộc
30	Nghiệp vụ Ngân hàng Thương mại	Người học nắm được nội dung các nghiệp vụ cơ bản của Ngân hàng thương mại. Tính toán và giải quyết các nghiệp vụ phát sinh ở Ngân hàng thương mại.	3	45	45		90	Bắt buộc
<b>III</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>		<b>53</b>	795				
	<b>a. Các học phần bắt buộc</b>		<b>39</b>	585				Bắt

STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
								buộc
31	Kế toán tài chính 1	Cung cấp những kiến thức tổng quát về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; hướng dẫn hạch toán về Vốn bằng tiền và các khoản nợ phải thu; các phương pháp tính giá và nguyên tắc hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, tài sản cố định; hạch toán kế toán tiền lương, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo qui định hiện hành; kiến thức về kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm và tìm hiểu về qui trình bán hàng và xác định được kết quả kinh doanh	4	60	60		90	Bắt buộc

STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
32	Kế toán tài chính 2	Cung cấp những kiến thức hướng dẫn hạch toán về kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái, kế toán nợ phải trả, Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu, kế toán thuế và Kế toán hàng hoá.	3	45	45		60	Bắt buộc
33	Kế toán tài chính 3	Cung cấp những kiến thức hướng dẫn hạch toán về kế toán các khoản đầu tư, kế toán bất động sản, kế toán công ty xây lắp...	2	30	30		60	Bắt buộc
34	Thị trường chứng khoán	Nội dung cơ bản của Học phần này là nghiên cứu chủ yếu vào thị trường chứng khoán, các kỹ thuật phân tích và đầu tư chứng khoán. Thông qua đó, sinh viên sẽ có kiến thức nắm bắt được	2	30	30		60	Bắt buộc

STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
		tình hình hoạt động của thị trường chứng khoán ở Việt Nam						
35	Kế toán chi phí	Cung cấp những kiến thức hướng dẫn hạch toán về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Người học biết được các phương pháp đánh giá chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ; các phương pháp tính giá thành sản phẩm tùy theo đặc điểm sản phẩm, qui mô doanh nghiệp	2	30	30		60	Bắt buộc
36	Kế toán quản trị	Cung cấp cho người học những kiến thức về tổ chức công tác kế toán quản trị, phân biệt kế toán quản trị với kế toán tài chính; phân loại chi phí;	4	60	60		90	Bắt buộc

STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
		mối quan hệ CVP; Lập dự toán ngân sách; Phân tích biến động chi phí; Đánh giá trách nhiệm quản lý; Định giá bán sản phẩm.....						
37	Kế toán HCSN	Cung cấp những kiến thức công tác kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp, nghiên cứu các phần hành kế toán như: Kế toán vốn bằng tiền, Kế toán NVL CCDC; Kế toán TSCĐ; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Kế toán nguồn kinh phí.....	3	45	45		60	Bắt buộc



STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
38	Kế toán ngân hàng thương mại	Cung cấp những kiến thức công tác kế toán trong các ngân hàng thương mại	3	45	45		60	Bắt buộc
39	Kế toán Mỹ	Cung cấp những kiến thức công tác kế toán quốc tế, nghiên cứu các phần hành kế toán như: Kế toán vốn bằng tiền, Kế toán NVL CCDC; Kế toán TSCĐ; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương....	3	45	45		60	Bắt buộc
40	Kiểm toán	Giới thiệu các kiến thức cơ bản về kiểm toán và hoạt động kiểm toán: bản chất, vai trò của kiểm toán; các loại kiểm toán và môi trường hoạt động	3	45	45		90	Bắt buộc

STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
		của kiểm toán; một số khái niệm, phương pháp quy trình cơ bản trong kiểm toán báo cáo tài chính						
41	Hệ thống thông tin kế toán	Hiểu được bản chất chức năng và vai trò của hệ thống thông tin kế toán. Biết cách xây dựng hệ thống thông tin kế toán hiệu quả, gọn nhẹ	3	45	45		60	Bắt buộc
42	Kế toán và khai báo thuế	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản để có thể hiểu được về công tác kế toán thuế và biết khai báo thuế cho doanh nghiệp.	3	45	45		90	Bắt buộc
43	Ứng dụng phần mềm kế toán	Cung cấp cho sinh viên: Kiến thức về phần mềm kế toán và biết cách làm công tác kế toán trên phần mềm	4	60	60		120	Bắt buộc

STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
		kế toán..						
	<b>b. Học phần tự chọn (chọn 2 trong 5 học phần)</b>		<b>6/15</b>					Tự chọn
44a	Quản trị doanh nghiệp*	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh, xây dựng và tổ chức thực hiện việc quản trị các hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp. Sinh viên áp dụng trong việc tạo lập, lựa chọn loại hình pháp lý và tổ chức vận hành doanh nghiệp.	3	45	45		90	Tự chọn
44b	Quản trị tài chính*	Giới thiệu cho sinh viên hiểu những khái niệm cơ bản về giá trị tiền tệ theo thời gian, mô hình tài chính, thuê tài chính, các loại đòn bẩy, sáp nhập và thu tóm	3	45	45		90	Tự chọn

STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
		công ty						
44c	Quản trị rủi ro *	Cung cấp kiến thức cơ bản về rủi ro tín dụng gồm nội dung, ý nghĩa, nguyên nhân, cách xử lý. Qua đó quản lý tốt rủi ro khoản vay riêng lẻ và quản lý danh mục cho vay của NHTM, giúp người học có điều kiện công tác tốt tại các NHTM và TCTD khác. Hoàn thành và phát triển các kỹ năng vận dụng lý thuyết để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế hoạt động kinh doanh tín dụng của một NHTM hiện đại	3	45	45		90	Bắt buộc
45a	Thẩm định Tín dụng	Cung cấp nội dung cơ bản về kinh doanh tín	3	45	45		90	Tự chọn

STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
	Ngân hàng*	dụng, phương pháp quản lý tín dụng, các chính sách tín dụng và quản lý tín dụng chung của NHNN và riêng của NHTM. Ứng dụng kiến thức lý thuyết để giải quyết tình huống minh họa cụ thể nhằm đảm nhận và thực hiện được công việc chuyên môn tín dụng trong ngân hàng.						
45b	Thẩm định dự án đầu tư*	Sinh viên có đầy đủ kiến thức cơ bản về dự án đầu tư và quy trình thực hiện thẩm định dự án đầu tư. Có kỹ năng tính toán các chỉ số tài chính liên quan để đánh giá hiệu quả của dự án và lựa chọn đầu tư	3	45	45		90	Tự chọn

STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
	<b>THỰC TẬP TỐT NGHIỆP</b>	Quá trình thực tập nhằm mục đích giúp cho sinh viên hiểu và vận dụng thực tế về công tác kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh tại đơn vị trên cơ sở lý thuyết đã được học tại trường. Kết thúc quá trình thực tập, sinh viên phải viết báo cáo thực tập để thể hiện sự hiểu biết của mình qua quá trình thực tập	<b>8</b>	<b>Thực tập tại đơn vị trong 8 tuần</b>				Bắt buộc
	<b>KHÓA LUẬN HOẶC CÁC HỌC PHẦN THAY THẾ</b>		<b>5</b>	75				Bắt buộc
	<b>Khóa luận</b>	Tạo điều kiện cho sinh viên có điều kiện và cơ hội nâng cao các khối kiến thức và kỹ năng đã được trang bị tại trường và phát huy sở trường của mình trong	<b>5</b>	75			<b>150</b>	Tự chọn

STT	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
		công trình nghiên cứu khoa học. Cụ thể như sau: Giúp sinh viên hệ thống hóa các kiến thức, kỹ năng và vận dụng chúng trong đề tài khóa luận tốt nghiệp một cách có khoa học và sáng tạo; Rèn luyện và nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo.						
<b>Các học phần thay thế</b>								
46	Thông kê Doanh nghiệp	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thống kê trong doanh nghiệp sản xuất, các phương pháp thống kê. Thống kê nghiên cứu Kết quả sản xuất các ngành sản xuất vật chất, Doanh thu, Tình hình sử dụng lao	2	30	30		60	Tự chọn

<b>STT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Nội dung cần đạt được của từng học phần</b>	<b>Số Tín chỉ</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Tự học</b>	<b>Thể loại</b>
		động, quỹ lương, Tài sản, Vốn, Nguyên vật liệu, Chi phí sản xuất						
47	Phân tích hoạt động kinh doanh	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về việc đánh giá quá trình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, có kỹ năng đưa ra các biện pháp phục vụ cho công tác quản lý và ngăn ngừa các rủi ro trong kinh doanh	3	45	45		90	Tự chọn
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA</b>			<b>132</b>	<b>1.980</b>				



### 8.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

Sinh viên được cấp tài khoản cá nhân để đăng ký học, xem lịch học, lịch thi, kết quả học tập và lấy đề cương môn học trên hệ thống thông tin sinh viên, được cấp thẻ thư viện để sử dụng tài liệu tại Trung tâm thông tin thư viện của Trường.

Căn cứ vào những điều kiện tiên quyết của các môn học, đơn vị phân phối chương trình giảng dạy các học phần theo trình tự thời gian như sau:

*Bảng kế hoạch giảng dạy theo từng học kỳ*

STT	Tên học phần	Số TC	Học kỳ											
			1	2	3	4	5	6	7	8				
<b>I.</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC CHUNG</b>	<b>31</b>												
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	2											
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3		3										
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2									
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.	3				3								
5	Tin học đại cương	2	2											
6	Tiếng anh 1	2	2											
7	Tiếng anh 2	2		2										
8	Tiếng anh 3	3			3									
9	Toán kinh tế 1	3	3											
10	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		3										
11	Pháp luật đại cương	2	2											
12	Văn bản và kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	2											
13	Tâm lý học đại cương	2	2											
14	Giáo dục thể chất													
15	Giáo dục quốc phòng													
<b>II.</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH</b>	<b>43</b>												
16	Kinh tế vi mô	3		3										
17	Kinh tế vĩ mô	3			3									

18	Quản trị học	3			3			
19	Toán Kinh tế 2	3	3					
20	Marketing căn bản	3	3					
21	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		3				
22	Nguyên lý kế toán	3		3				
23	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	3			3			
24	Luật Kinh tế	2		2				
25	Thuế	3		3				
26	Tiếng anh chuyên ngành kinh tế	3				3		
27	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2					2	
28	Thanh toán quốc tế	2			2			
29	Tài chính doanh nghiệp	4				4		
30	Nghiệp vụ Ngân hàng Thương mại	3			3			
<b>III</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>	<b>53</b>						
	<b>a. Các học phần bắt buộc</b>	<b>39</b>						
31	Kế toán tài chính 1	4			4			
32	Kế toán tài chính 2	3				3		
33	Kế toán tài chính 3	2					2	
34	Thị trường chứng khoán	2				2		
35	Kế toán chi phí	2				2		
36	Kế toán quản trị	4				4		
37	Kế toán Hành chính Sự nghiệp	3						3
38	Kế toán ngân hàng Thương mại	3					3	
39	Kế toán Mỹ	3					3	
40	Kiểm toán	3						3
41	Hệ thống thông tin kế toán	3					3	
42	Kế toán và khai báo thuế	3					3	
43	Ứng dụng trên phần mềm Kế toán	4						4

	<b>b. Học phần tự chọn</b> (chọn 2 trong 5 học phần)	<b>6/1</b> <b>5</b>							<b>6</b>
44	Quản trị doanh nghiệp*	3							
	Quản trị tài chính*	3							
	Quản trị rủi ro*	3							
45	Thẩm định tín dụng ngân hàng*	3							
	Thẩm định dự án đầu tư*	3							
<b>IV.</b>	<b>THỰC TẬP TỐT NGHIỆP</b>	<b>8</b>							<b>8</b>
<b>V.</b>	<b>KHÓA LUẬN HOẶC CÁC HỌC PHẦN THAY THẾ</b>	<b>5</b>							<b>5</b>
	<b>Khóa luận</b>	<b>5</b>							
	<b>Các học phần thay thế</b>								
46	Thống kê Doanh nghiệp	2							
47	Phân tích hoạt động kinh doanh	3							
	<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA</b>	<b>13</b> <b>2</b>	<b>1</b> <b>5</b>	<b>1</b> <b>7</b>	<b>1</b> <b>9</b>	<b>1</b> <b>8</b>	<b>1</b> <b>8</b>	<b>1</b> <b>6</b>	<b>1</b> <b>6</b>
			<b>3</b>						<b>3</b>

(\* ) Không tính kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng

Đồng Nai, ngày .....tháng 01 năm 2018

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

*Le Thanh Thy*  
*Le Thanh Thy*

**PHỤ TRÁCH KHOA**

*TS. Nguyễn Thế Khang*  
**TS. Nguyễn Thế Khang**

**K.T.HIỆU TRƯỞNG**



*Phạm Văn Chanh*  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
**TS. Phạm Văn Chanh**